

QUY ĐỊNH

**về phân cấp quản lý cán bộ; quy hoạch; bổ nhiệm,
giới thiệu cán bộ ứng cử; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm
và tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ**

- Căn cứ Điều lệ Đảng; Quy định thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị;
- Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;
- Căn cứ Quy định số 323-QĐ/TU, ngày 20/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;
- Căn cứ Kết luận số 198-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đánh giá đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về phân cấp quản lý cán bộ; quy hoạch; bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm và tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý cán bộ và nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, biệt phái, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm và tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2. Quy định này áp dụng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2. Bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ của Đảng; đánh giá cán bộ thường xuyên, khách quan, công tâm, chính xác; quy hoạch, lựa chọn và bố trí đúng cán bộ; thực hiện có hiệu quả cơ chế "*có vào, có ra, có lên, có xuống*" trong công tác cán bộ; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn đặt ra.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ; bảo đảm sự chuyên tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới, gắn bó mật thiết với Nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ:

- Đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thông qua các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị; trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp.

- Phân công, phân cấp công tác quản lý cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cho các cấp ủy, tổ chức đảng; lãnh đạo, chỉ đạo công tác xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ khi có đủ căn cứ bảo đảm đúng quy định; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp.

2. Bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và cá nhân liên quan, trước hết là người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ:

- Những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng

cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ phải do cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của người đứng đầu và ý kiến của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện quyết định của tập thể về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi được phân công phụ trách.

- Cán bộ, đảng viên phải chấp hành, thực hiện nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng; cấp ủy cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp ủy cấp trên về công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Công tác cán bộ* là các đường lối, chủ trương, chính sách, quy định về phân cấp quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách; kiểm tra, kiểm soát, giám sát,... đối với cán bộ nhằm lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ.

2. *Phân cấp quản lý cán bộ* là quyết định của cấp có thẩm quyền phân cấp hoặc ủy quyền cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tham gia hoặc trực tiếp quản lý một số khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và quyết định các khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định.

3. *Bổ nhiệm cán bộ* là quyết định của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ vào chức vụ cao hơn, tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang đảm nhiệm (khi cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hoặc do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy).

4. *Quy hoạch cán bộ* là quyết định của cấp có thẩm quyền quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn chức vụ đang đảm nhiệm.

5. *Cho thôi giữ chức vụ* là quyết định của cấp có thẩm quyền cho cán bộ chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm để bố trí công tác khác hoặc nghỉ công tác, nghỉ hưu (không bao gồm các trường hợp được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển hoặc được bố trí công tác khác theo yêu cầu công tác cán bộ).

6. *Từ chức* là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm khi chưa hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

7. *Miễn nhiệm* là quyết định của cấp có thẩm quyền chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm đối với cán bộ nhưng chưa đến mức cách chức. Miễn nhiệm không phải là hình thức kỷ luật.

8. *Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng* là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

9. *Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng* là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

10. *Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ* là quyết định của cấp có thẩm quyền dừng việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cán bộ trong một thời hạn nhất định. Tạm đình chỉ công tác không phải là hình thức kỷ luật.

11. *Đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ* là quyết định của cấp có thẩm quyền đưa cán bộ ra khỏi quy hoạch chức danh đã được phê duyệt quy hoạch.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 5. Nội dung

1. Phân cấp quản lý cán bộ.
2. Đánh giá cán bộ.
3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.
4. Tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ.
5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.
6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.
7. Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc thực hiện nội dung phân cấp, ủy quyền trong công tác cán bộ.
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện định hướng và quyết định những chủ trương, vấn đề hệ trọng về công tác cán bộ và cán bộ theo yêu cầu của Trung ương và của tỉnh.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ; phân công, phân cấp cho các cấp ủy, tổ chức đảng quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh cán bộ khác; ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy quyết định một số khâu, nội dung trong công tác cán bộ, đối với một số chức danh cán bộ.

3. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ công tác, sinh hoạt đảng ở địa phương, cơ quan, đơn vị, trong đó có cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về phạm vi, nội dung được phân cấp, ủy quyền trong quản lý cán bộ. Cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu có trách nhiệm định kỳ báo cáo cấp trên về tình hình đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên theo quy định hiện hành về phân cấp quản lý.

4. Trường hợp một người đồng thời đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì cấp quản lý chức vụ cao nhất xem xét, quyết định.

5. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương về công tác cán bộ và cán bộ tại địa phương.

2. Trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nhân sự tại chỗ giới thiệu ứng cử các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Trên cơ sở quy định của Trung ương, quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, ban

thường vụ cấp ủy ngoài cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy được xác định theo quy định của Bộ Chính trị.

4. Bầu Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra (Ủy viên Ủy ban Kiểm tra), Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

5. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

6. Giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Tham gia ý kiến đối với nhân sự giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trước khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

8. Thực hiện quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các chức danh chủ chốt của tỉnh theo phân cấp; chuẩn bị Đề án nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa mới.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ, xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị của tỉnh.

2. Trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh cho ý kiến những vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

3. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận và quyết định:

4.1. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được quy định tại Mục A, Phụ lục 1 của Quy định này.

4.2. Tham gia ý kiến với các đảng ủy, cơ quan, đơn vị ở Trung ương về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách cán bộ đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được quy định tại Mục B, Phụ lục 1 của Quy định này.

4.3. Chuẩn bị nhân sự để Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ

tỉnh, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chuẩn bị nhân sự đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương cho ý kiến đề bầu bổ sung Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

4.4. Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư công tác tại địa phương. Tham gia ý kiến về nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển về các địa phương, cơ quan, đơn vị và việc xét phong, thăng quân hàm cấp tướng (nếu có) khi có yêu cầu của Trung ương.

5. Căn cứ quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, quyết định phân cấp, ủy quyền quản lý cán bộ cho các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh. Quyết định chủ trương, giải pháp về xây dựng, quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế và chính sách cán bộ của hệ thống chính trị thuộc thẩm quyền.

6. Chuẩn bị và trình Tỉnh ủy cho ý kiến về nhân sự Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh trước khi quyết định giới thiệu đề HĐND tỉnh bầu; quyết định giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc thôi giữ chức vụ trưởng, phó các ban của HĐND tỉnh đề HĐND tỉnh bầu hoặc cho thôi giữ chức vụ.

7. Định kỳ hàng quý đánh giá, nhận xét; xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ; xem xét, quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao đối với các chức danh:

7.1. Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Trưởng các Ban của Tỉnh ủy; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Thư ký Bí thư Tỉnh ủy.

- Chủ tịch: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh; Bí thư Tỉnh đoàn.

- Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh.

- Giám đốc Báo và PTTH Lâm Đồng.

7.2. Khối Nhà nước

- Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

- Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách của tỉnh.

- Trưởng các Ban của HĐND tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

- Cấp trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh.

7.3. Đảng ủy các xã, phường, đặc khu: Bí thư cấp ủy cấp xã.

7.4. Ủy quyền cho tập thể lãnh đạo và người đứng đầu đánh giá, nhận xét các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ngoài các chức danh trên của các cơ quan, đơn vị; ủy quyền Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đánh giá, nhận xét đối với Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; ủy quyền Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đánh giá, nhận xét đối với Chủ tịch các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở tỉnh.

8. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

9. Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý khác thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định. Quyết định kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hàng năm.

10. Thông báo, quyết định cho cán bộ nghỉ hưu trước tuổi, tinh giản biên chế và nghỉ khác theo quy định thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

11. Ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường, đặc khu; ủy ban kiểm tra (*ủy viên ủy ban kiểm tra*), chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường, đặc khu.

12. Ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường, đặc khu; chỉ định hoặc thí điểm chỉ định ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường, đặc khu theo quy định. Khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách đảng bộ trực thuộc, đảng bộ xã, phường, đặc khu.

13. Ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy quyết định việc tổ chức thi tuyển, xét tuyển, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức theo quy định.

14. Cho ý kiến về nội dung, đề án nhân sự đại hội các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo phân cấp quản lý cán bộ. Chuẩn bị các dự thảo văn kiện, đề án phân bổ số lượng đại biểu tham dự Đại hội; đề án nhân sự Đại hội Đảng bộ tỉnh; đề án đoàn đại biểu dự Đại hội Đảng toàn quốc nhiệm kỳ tiếp theo trình Tỉnh ủy quyết định.

15. Tham gia ý kiến với Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương về nhân sự từ nơi khác dự kiến điều động, luân chuyển, bổ nhiệm giữ các chức vụ có cơ cấu tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

16. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Kết luận tiêu chuẩn chính trị cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

17. Cho ý kiến về việc khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước:

- Khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước đối với các đồng chí thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (*Huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ*).

- Khen thưởng các Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập (*các hạng*), “Tinh Anh hùng”, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.

18. Cho ý kiến đề nghị hiệp y khen thưởng đối với cấp trưởng và cấp phó: Công an tỉnh, Quân sự tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh và cấp trưởng các cơ quan: Thuế tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh, Thống kê tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 10, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà nước khu vực XVI, Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng.

19. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Tỉnh ủy

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- Chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư các đảng ủy trực thuộc; ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các đảng ủy trực thuộc, Đảng ủy xã, phường, đặc khu.

- Chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ cấp ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường, đặc khu; chỉ định hoặc thí điểm chỉ định ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường, đặc khu theo quy định. Khi cần thiết, chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách đảng bộ trực thuộc, đảng bộ xã, phường, đặc khu.

- Đào tạo, bồi dưỡng; khen thưởng đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được quy định tại Mục A, Phụ lục 1 của Quy định này.

3. Cho ý kiến đề bầu bổ sung chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh. Cho ý kiến đối với nhân sự giới thiệu ứng cử chức danh ủy viên ban thường vụ của các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

4. Hiệp y với đảng ủy, cơ quan, đơn vị ở Trung ương về nhân sự ở địa phương tham gia cơ quan lãnh đạo các đoàn thể ở Trung ương. Định hướng nội dung đại hội và cho ý kiến nhân sự cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

5. Hiệp y về điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng... đối với cán bộ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương (*trừ Công an tỉnh, Quân sự tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh*) là: Cấp phó các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương đang công tác và sinh hoạt đảng trên địa bàn tỉnh (*Thuế tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh, Thống kê tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 10, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà nước khu vực XVI, Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng*); cấp trưởng, phó các đơn vị ngành dọc khác của Trung ương đóng trên địa bàn.

6. Cho ý kiến về việc đề nghị hiệp y khen thưởng khi các cơ quan ngành dọc Trung ương có văn bản đề nghị.

7. Hiệp y về quy hoạch; về đề nghị đánh giá, xếp loại định kỳ đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

8. Quyết định thẩm tra, xác minh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi có vấn đề phải xem xét về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay và một số vấn đề khác (*về bằng cấp, độ tuổi, tài sản, thu nhập...*) theo quy định để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận.

9. Cho chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến.

10. Giao quyền các chức danh thuộc diện Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

11. Cho ý kiến về nội dung, đề án nhân sự Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

12. Quyết định: Bổ nhiệm ngạch và nâng lương ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương; nâng ngạch chuyên viên chính và tương đương đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; chuyển ngạch lương, nâng lương theo niên hạn, nâng lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy.

Ủy quyền Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Xét thăng hạng, nâng ngạch chuyên viên chính và tương đương (*sau khi có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy*) đối với công chức, viên chức thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã, đơn vị sự nghiệp của Đảng (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*); nâng ngạch chuyên viên và tương đương; cán sự và tương đương đối với công chức, viên chức thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã, đơn vị sự nghiệp của Đảng theo quy định; bổ nhiệm ngạch kiểm tra viên; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức tại đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*); chuyển ngạch lương, nâng lương theo niên hạn, nâng lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với chức danh Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu (*trừ các đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*).

13. Quyết định việc tổ chức thi tuyển, xét tuyển, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức theo ủy quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

14. Thông báo, quyết định cho cán bộ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

15. Cho ý kiến đối với các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, tinh giản biên chế (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*) và nghỉ khác (*diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*) đối với công chức, viên chức thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã, đơn vị sự nghiệp của Đảng. Ủy quyền cho các địa phương, cơ quan, đơn vị ban hành quyết định theo phân cấp.

16. Quyết định tặng Huy hiệu Đảng đối với đảng viên theo quy định. Quyết định chuyển giao các tổ chức đảng, đảng viên ngoài phạm vi các đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng.

17. Quyết định, cho ý kiến về việc đi nước ngoài, đi công tác, học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức ở nước ngoài đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

18. Quản lý cán bộ trong quy hoạch; việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

19. Chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ; tổ chức tang lễ; quyết định thực hiện một số chế độ, chính sách như trợ cấp khó khăn, ốm đau, tham quan, nghỉ dưỡng,... đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định.

20. Gọi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và cá nhân cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

21. Đối với những nội dung được ủy quyền nêu trên, nếu thấy cần thiết, Thường trực Tỉnh ủy báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi quyết định.

Điều 10. Trách nhiệm, quyền hạn của Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh

1. Trách nhiệm, quyền hạn Ban Chấp hành Đảng bộ

1.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Đảng ủy ngành cấp trên việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Tỉnh ủy, của ngành cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ của ngành (*kể cả cán bộ do cấp trên quản lý đang công tác tại đơn vị*) trong phạm vi phụ trách.

1.2. Quyết định phân công nhiệm vụ đối với các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh, Công an tỉnh.

1.3. Căn cứ quy định của ngành cấp trên, quy định của Tỉnh ủy, quyết định ủy quyền cho Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh và phân cấp quản lý cán bộ đối với các cấp ủy trực thuộc.

1.4. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ; phong, thăng, giáng, tước quân hàm sĩ quan; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

1.5. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhân sự ứng cử chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.

1.6. Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy.

2. Trách nhiệm, quyền hạn Ban Thường vụ Đảng ủy

2.1. Chủ trì, phối hợp, trao đổi ý kiến với các ban thường vụ đảng ủy cấp xã về nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển, bổ nhiệm giữ các chức vụ có cơ cấu tham gia ban chấp hành, ban thường vụ đảng ủy cấp xã và về các nội dung quản lý cán bộ đối với chức danh thuộc quân sự, công an đang tham gia ban chấp hành, ban thường vụ đảng ủy cấp xã. Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh phân tích, thảo luận những ý kiến khác nhau, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2.2. Phối hợp với ban thường vụ đảng ủy cấp xã chuẩn bị nhân sự thuộc Quân sự, Công an xã, phường, đặc khu bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định.

2.3. Chuẩn y kết quả bầu ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp ủy trực thuộc. Chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành các cấp ủy trực thuộc; cho ý kiến bầu bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ các cấp ủy trực thuộc. Khi cần thiết chỉ định bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ các cấp ủy trực thuộc. Xây dựng và đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh theo phân cấp về quản lý cán bộ; quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện ban thường vụ đảng ủy quản lý.

2.4. Trên cơ sở đề nghị của Chính ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh thảo luận và quyết định:

- Quyết định thực hiện các nội dung quản lý cán bộ đối với cán bộ giữ các chức danh thuộc diện quản lý theo phân cấp.

- Đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến thực hiện các nội dung quản lý cán bộ đối với các chức danh cán bộ trong Quân đội, Công an thuộc quyền trực tiếp quyết định của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương.

2.5. Chuẩn bị nhân sự để Đảng ủy xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến nhân sự ứng cử các chức danh: Bí thư, phó bí thư; giới thiệu nhân sự ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ đảng ủy. Chuẩn bị nhân sự đề nghị Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến để bầu bổ sung chủ nhiệm ủy ban kiểm tra; đề nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cho ý kiến để bầu bổ sung phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy.

2.6. Xem xét điều động, bố trí, bổ nhiệm giữ các chức danh tương đương, thấp hơn hoặc cao hơn đối với các chức danh thuộc diện quản lý theo quy định của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương.

2.7. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ đối với các cấp ủy trực thuộc.

2.8. Quyết định thẩm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng theo phân cấp về quản lý cán bộ.

2.9. Định kỳ hàng quý đánh giá, nhận xét đối với chức danh ủy viên ban thường vụ đảng ủy; cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý theo quy định; xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ; xem xét, quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Trách nhiệm, quyền hạn của Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ

1.1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định về công tác tổ chức, cán bộ của Trung ương, của Tỉnh ủy theo phân công, phân cấp, ủy quyền của cấp trên. Lãnh đạo việc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của đảng ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc.

1.2. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến nhân sự ứng cử chức danh: Bí thư, phó bí thư; nhân sự chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy các cơ quan Đảng.

1.3. Căn cứ quy định của Trung ương và của Tỉnh ủy, quyết định số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy.

1.4. Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy.

1.5. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc đề nghị chỉ định bổ sung vào ban chấp hành đảng bộ, Ban thường vụ đảng ủy.

1.6. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ trong đảng bộ.

1.7. Quyết định kỷ luật và giải quyết khiếu nại, kỷ luật đảng theo quy định.

1.8. Xây dựng và đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện quản lý theo quy định.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Ban Thường vụ Đảng ủy

2.1. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp và cán bộ chuyên trách, công chức các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy theo quy định.

2.2. Chuẩn bị nhân sự báo cáo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy để Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cho ý kiến bầu bổ sung chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng ủy; phó chủ nhiệm, ủy viên Ủy ban Kiểm tra đảng bộ theo quy định; báo cáo Thường trực Tỉnh ủy (qua Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy) xem xét chuẩn y kết quả bầu bổ sung chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng ủy; phó chủ nhiệm, ủy viên Ủy ban Kiểm tra đảng ủy.

2.3. Trước khi thực hiện quy trình điều động cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý của Ủy ban Kiểm tra đảng bộ, phải báo cáo cụ thể:

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cho ý kiến đối với chức danh Ủy viên Ủy ban kiểm tra, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra đảng ủy.

- Thường trực Tỉnh ủy (*qua Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy*) cho ý kiến đối với chức danh Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra đảng ủy.

2.4. Căn cứ quy định của Trung ương, của Tỉnh quyết định phân cấp một số nội dung quản lý cán bộ cho các cấp ủy trực thuộc.

2.5. Tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác, sinh hoạt đảng tại Đảng bộ khi có yêu cầu và các chức danh cán bộ khác theo quy định.

2.6. Quyết định về tổ chức, cán bộ của đảng ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo thẩm quyền và theo phân cấp về quản lý cán bộ.

2.7. Chuẩn y hoặc ủy quyền cho thường trực cấp ủy chuẩn y; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ, ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc theo quy định; khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách đảng bộ trực thuộc (*trừ các trường hợp cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*).

2.8. Quyết định phân công nhiệm vụ đối với ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

2.9. Tham gia với lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc thực hiện chủ trương, giải pháp về công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, đơn vị, tổ chức.

2.10. Định kỳ hàng quý đánh giá, nhận xét cán bộ; xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ; xem xét, quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao theo Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

Điều 12. Trách nhiệm, quyền hạn của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành

1.1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác cán bộ và cán bộ.

1.2. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến nhân sự ứng cử chức danh: Bí thư, phó bí thư; nhân sự chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh.

1.3. Căn cứ quy định của Trung ương và của Tỉnh ủy, quyết định số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy.

1.4. Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra), chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy.

1.5. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc đề nghị chỉ định bổ sung vào ban chấp hành đảng bộ.

1.6. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ trong đảng bộ.

1.7. Quyết định kỷ luật và giải quyết khiếu nại, kỷ luật đảng theo quy định.

2. Trách nhiệm, quyền hạn Ban Thường vụ Đảng ủy

2.1. Lãnh đạo UBND tỉnh cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết, quyết định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức, cán bộ. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thực hiện chủ trương, nghị quyết, quyết định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cán bộ và công tác tổ chức cán bộ.

2.2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp và cán bộ chuyên trách, công chức các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy theo quy định.

2.3. Chuẩn bị nhân sự báo cáo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cho ý kiến bầu bổ sung chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng ủy; phó chủ nhiệm, ủy viên Ủy ban Kiểm tra đảng bộ theo quy định; báo cáo Thường trực Tỉnh ủy (*qua Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy*) xem xét chuẩn y kết quả bầu bổ sung chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng ủy; phó chủ nhiệm, ủy viên Ủy ban Kiểm tra đảng bộ.

2.4. Trước khi thực hiện quy trình điều động cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý của Ủy ban Kiểm tra đảng bộ, phải báo cáo cụ thể:

- Báo cáo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cho ý kiến đối với chức danh Ủy viên Ủy ban kiểm tra, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra đảng bộ.

- Báo cáo Thường trực Tỉnh ủy (*qua Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy*) cho ý kiến đối với chức danh Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra đảng bộ.

2.5. Căn cứ quy định của Trung ương, của Tỉnh quyết định phân cấp một số nội dung quản lý cán bộ cho các cấp ủy trực thuộc.

2.6. Tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác, sinh hoạt đảng tại Đảng bộ khi có yêu cầu và các chức danh cán bộ khác theo quy định.

2.7. Chuẩn y hoặc ủy quyền cho thường trực cấp ủy chuẩn y; chỉ định hoặc ủy quyền cho thường trực cấp ủy chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới

thiệu bầu ủy viên ban thường vụ, ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc theo quy định; khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách đảng bộ trực thuộc.

2.8. Quyết định phân công nhiệm vụ đối với ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

2.9. Đề nghị Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, khen thưởng bậc cao, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang công tác tại các cấp ủy thuộc Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh; nhân sự chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

2.10. Định kỳ hàng quý đánh giá, nhận xét cán bộ; xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ; xem xét, quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao theo Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

2.11. Báo cáo đề xuất Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ trong bộ máy nhà nước thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Trên cơ sở văn bản thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh quyết định về mặt Nhà nước (*phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm...*) theo thẩm quyền đối với các chức danh sau:

- Cấp trưởng, phó các sở, ban, ngành và tương đương thuộc tỉnh.
- Chủ tịch UBND cấp xã.

2.12. Lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh thẩm định đề nghị của Đảng ủy cấp xã, quyết định về mặt Nhà nước (*phê chuẩn, miễn nhiệm...*) theo thẩm quyền đối với chức danh Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

2.13. Lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch; quyết định (*bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu...*) sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy đối với các chức danh phân cấp cho Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý gồm:

- Cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh.

- Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên các công ty TNHH một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (*xếp hạng I*).

- Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp mà vốn Nhà nước chiếm từ 50% vốn điều lệ trở lên giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên (*hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị*).

Điều 13. Trách nhiệm, quyền hạn của Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trực tiếp chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, của Tỉnh ủy, của cấp ủy cấp trên về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi quản lý (*kể cả cán bộ giữ các chức danh do cấp trên quản lý đang công tác ở HDND tỉnh*).

2. Lãnh đạo HDND tỉnh cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết, quyết định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức, cán bộ.

3. Thảo luận và quyết định:

3.1. Quyết định thực hiện các nội dung quản lý cán bộ đối với cán bộ chuyên trách của HDND tỉnh (*ngoài diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*).

3.2. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ trong cơ quan của HDND tỉnh giữ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; nhân sự chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã. Đồng thời, cho ý kiến đối với nhân sự khác khi có yêu cầu.

3.3. Tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

3.4. Định kỳ hàng quý đánh giá, nhận xét cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp theo quy định; xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ; xem xét, quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

3.5. Cho ý kiến về phương án bố trí nhân sự, giới thiệu ứng cử chức danh chủ tịch, phó chủ tịch HDND cấp xã theo quy định.

3.6. Tham gia cùng ban thường vụ cấp xã, các đảng ủy liên quan trong thực hiện công tác cán bộ đối với cán bộ là đại biểu HĐND tỉnh do cấp mình và cấp trên quản lý đang công tác ở địa phương, đơn vị.

3.7. Báo cáo và kiến nghị với các cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền (*theo phân cấp*) về biện pháp xử lý đối với đảng viên là đại biểu HĐND tỉnh vi phạm nguyên tắc đảng trong công tác.

3.8. Xây dựng và đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện quản lý theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các quyết định của Trung ương, Tỉnh ủy về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách. Lãnh đạo tổ chức mình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng theo đúng Điều lệ, quy định, hướng dẫn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

2. Khi cần thiết, tham gia ý kiến trước khi Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh thực hiện theo thẩm quyền: Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác tại Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh theo quy định (*trừ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*).

3. Đảng ủy thảo luận và quyết định:

3.1. Quyết định thực hiện các nội dung quản lý cán bộ đối với cán bộ được phân cấp quản lý (*trừ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*).

3.2. Trình Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến nhân sự: Ủy viên Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội trước khi bầu bổ sung.

3.3. Trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến (*khi có yêu cầu*) thực hiện các nội dung quản lý cán bộ đối với cán bộ đang công tác tại Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh giữ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

3.4. Tham gia ý kiến trước khi Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam

tình giao nhiệm vụ và đánh giá, xếp loại cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh.

4. Tham gia ý kiến hoặc phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tham gia ý kiến với Ban Tổ chức Tỉnh ủy về cán bộ và công tác tổ chức cán bộ đối với cán bộ giữ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang công tác tại Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh *(khi có yêu cầu)*.

5. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thuộc Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh

Điều 15. Trách nhiệm, quyền hạn của Đảng ủy Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các quyết định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, của lãnh đạo ngành cấp trên về công tác cán bộ và cán bộ thuộc phạm vi phụ trách *(kể cả cán bộ giữ các chức danh thuộc diện cấp trên quản lý đang công tác trong ngành)*.

2. Kiến nghị, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy *(thông qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy)* cho ý kiến về tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang công tác ở các cơ quan thuộc ngành quản lý.

3. Đảng ủy thảo luận và quyết định:

- Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp. Trên cơ sở đó, thủ trưởng cơ quan ra quyết định về mặt nhà nước.

- Quyết định phân công nhiệm vụ đối với ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

- Thực hiện các nội dung quản lý cán bộ đối với cán bộ được phân cấp quản lý, trên cơ sở đó thủ trưởng cơ quan, đơn vị ra quyết định.

- Kiến nghị thực hiện các nội dung quản lý cán bộ đối với cán bộ giữ các chức danh thuộc diện cấp trên quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trực tiếp và thường xuyên là Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đường lối, chủ trương, chính sách cán bộ và công tác cán bộ; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương Đảng về công tác cán bộ và cán bộ.

2. Tổng hợp, theo dõi tình hình đội ngũ cán bộ của Đảng bộ tỉnh, trực tiếp là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; chủ trì, phối hợp với các cấp ủy đảng, tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy giúp Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

3. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy các vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ.

4. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các nội dung công tác cán bộ nêu tại Điều 5 của Quy định này.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, quy hoạch một số chức danh cán bộ nêu tại Mục C, Phụ lục 1 của Quy định này.

6. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ, lý lịch cán bộ lãnh đạo, quản lý (*cả đương chức và nghỉ hưu*) thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nêu tại các Mục A, Mục B, Phụ lục 1 của Quy định này. Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ; quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội; cơ sở dữ liệu đảng viên trong toàn Đảng bộ.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện công tác cán bộ và cán bộ định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

8. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, chủ động phối hợp với các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, đề xuất Thường

Trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan liên quan (*tùy theo lĩnh vực được phân công*) thẩm định, thẩm tra, rà soát, xác minh thông tin liên quan đến nhân sự được đề nghị bổ nhiệm các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (*kể cả hiệp y các chức danh bổ nhiệm và quy hoạch của ngành dọc*); đồng thời, tùy theo chức danh cán bộ mà thông báo kết quả thẩm định đến Đảng ủy HĐND, Đảng ủy UBND tỉnh; tổng hợp, đề xuất và trình Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

10. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tham mưu thực hiện công tác cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nêu tại Phụ lục 1 của Quy định này.

11. Tham mưu chế độ, chính sách; giải quyết một số chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ theo ủy quyền của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

12. Sau khi có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi, tinh giản biên chế và nghỉ khác (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*) đối với công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý.

13. Biệt phái công chức, viên chức không là lãnh đạo, quản lý khối Đảng, MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, cấp tỉnh làm công việc ở vị trí việc làm của công chức khối Đảng, MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, cấp tỉnh theo yêu cầu cụ thể của nhiệm vụ chính trị tại cơ quan, đơn vị. Thẩm định và quyết định việc tiếp nhận vào làm công chức khối Đảng, MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, cấp tỉnh: (1) Tiếp nhận những người đã từng là cán bộ, công chức sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác; (2) Tiếp nhận viên chức đơn vị sự nghiệp công lập vào làm công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; (3) Tiếp nhận người hưởng lương trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, tổ chức cơ yếu mà không phải là công chức vào làm công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo ủy nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy. Thẩm định và trình Thường trực Tỉnh ủy việc tiếp nhận vào làm công chức đối với các đối tượng khác theo quy định.

14. Thẩm định, trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên theo thẩm quyền; cho ý kiến về bố trí, sử dụng cán bộ, đảng viên có vấn đề chính trị cần xem xét theo phân cấp.

15. Tham mưu, thẩm định trình Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến đối với nhân sự thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đi nước ngoài.

16. Tham mưu trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Báo và PTTTH Lâm Đồng, Trường Chính trị tỉnh, Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh.

17. Tham mưu trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, giao biên chế của các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc đảng ủy cấp xã; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, đảng ủy cấp xã; Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; Đảng ủy UBND tỉnh và biên chế khối Nhà nước.

18. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện công tác cán bộ và quản lý cán bộ định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

19. Thông báo nghỉ hưu, nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp của đảng (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*). Ra quyết định nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*). Quyết định, cho hưởng lần đầu về phụ cấp thâm niên nghề; nâng ngạch chuyên viên chính và tương đương (*sau khi có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy*) đối với công chức, viên chức thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã, đơn vị sự nghiệp của Đảng theo quy định. Xếp lương lần đầu, nâng ngạch chuyên viên và tương đương; cán sự và tương đương đối với công chức, viên chức thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã, đơn vị sự nghiệp của Đảng theo quy định (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*). Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức tại đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*). Bổ nhiệm ngạch kiểm tra viên; chuyển ngạch lương, nâng lương theo niên hạn, nâng lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các chức danh Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu theo ủy quyền của Thường trực Tỉnh ủy (*trừ các đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*); chuyển xếp ngạch lương đối với các trường hợp thuộc công an, quân sự chuyển ngành (*sau khi có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy*).

20. Quyết định và chịu trách nhiệm: Đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế

độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác tại cơ quan, đơn vị theo quy định về phân cấp (*trừ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*).

21. Tham mưu xây dựng, hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ký quyết định cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cao cấp lý luận chính trị; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng đảng ở Trung ương, ở tỉnh; cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*) đi đào tạo theo kế hoạch, đề án của Trung ương, của tỉnh theo ủy quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh, Báo và PTTH Lâm Đồng

1. Kiến nghị, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Đánh giá (*trừ đánh giá các chức danh cấp phó cơ quan, đơn vị do cấp trưởng đánh giá theo ủy quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đánh giá, nhận xét đối Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo ủy quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*), quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang công tác tại cơ quan, đơn vị.

2. Tham gia ý kiến, thẩm định nhân sự quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong phạm vi, lĩnh vực được phân công phụ trách khi có yêu cầu (*các chức danh cán bộ nêu tại Phụ lục 1 của Quy định này*).

3. Quyết định và chịu trách nhiệm: Đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác tại cơ quan, đơn vị theo quy định về phân cấp (*trừ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*).

4. Sau khi có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi, tinh giản biên chế và nghỉ khác (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*) đối với công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý.

5. Kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cấp dưới trực thuộc và đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét những vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ (*nếu có*). Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu.

6. Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, quy hoạch một số chức danh cán bộ nêu tại Mục C, Phụ lục 1 của Quy định này hoặc khi có yêu cầu của công tác cán bộ.

7. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xem xét, quyết định kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định các nội dung liên quan đến nhân sự nêu tại Khoản 2 Điều này; trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kỷ luật cán bộ.

8. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cho ý kiến về nhân sự để ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy bầu bổ sung Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, ủy viên ủy ban kiểm tra.

9. Trước khi thực hiện quy trình điều động, luân chuyển thành viên của Ủy ban Kiểm tra các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, căn cứ đề nghị của các cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có trách nhiệm:

- Cho ý kiến đối với chức danh Ủy viên Ủy ban kiểm tra, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

- Tổng hợp, báo cáo đề nghị Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến đối với chức danh Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Đảng ủy cấp xã

1. Ban chấp hành đảng bộ cấp xã

1.1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Tỉnh ủy về cán bộ và công tác cán bộ tại địa phương.

1.2. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về nhân sự ứng cử các chức danh: Bí thư, phó bí thư Đảng ủy; chủ tịch HĐND, UBND cấp xã.

1.3. Trình Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến về nhân sự chỉ định vào ban

chấp hành; giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

1.4. Căn cứ quy định của Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, quyết định số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy.

1.5. Bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy.

1.6. Thực hiện quy trình quy hoạch ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy; ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý của cấp xã theo phân cấp về quản lý cán bộ.

1.7. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ tại địa phương.

1.8. Quyết định kỷ luật và giải quyết khiếu nại, kỷ luật đảng theo quy định.

1.9. Chuẩn bị Đề án nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã khóa mới.

2. Ban thường vụ đảng ủy cấp xã

2.1. Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ; xây dựng, quản lý tổ chức bộ máy và chính sách cán bộ trong hệ thống chính trị cấp xã.

2.2. Trên cơ sở tổng số biên chế được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao, chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng và thực hiện tinh giản biên chế của hệ thống chính trị thuộc thẩm quyền.

2.3. Quyết định phân công công tác các đồng chí ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường, đặc khu.

2.4. Sau khi có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi, tinh giản biên chế và nghỉ khác (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*) đối với công chức, viên chức thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp cấp xã.

2.5. Giới thiệu nhân sự ứng cử (*hoặc cho thôi*) giữ chức trưởng, phó các ban của HĐND, các thành viên của UBND cấp xã để HĐND cấp xã bầu (*hoặc cho thôi*) giữ chức vụ theo quy định.

2.6. Trên cơ sở đề nghị của thường trực đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy cấp xã thảo luận và quyết định các nội dung quản lý cán bộ tại Điều 5, đối với cán bộ giữ các chức danh thuộc diện ban thường vụ đảng ủy quản lý, cụ thể:

2.6.1. Đối với các cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã:

- Ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp xã; Ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã (*trừ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*).

- Trưởng ban xây dựng Đảng, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và chánh văn phòng (*không phải là ủy viên ban thường vụ*) và phó các cơ quan tham mưu, giúp việc đảng ủy; ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy.

- Cấp trưởng, cấp phó: MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

- Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị xã, phường, đặc khu.

- Trưởng, phó các ban của HĐND, chánh, phó chánh văn phòng HĐND và UBND cấp xã.

- Trưởng, phó các phòng và tương đương trực thuộc UBND cấp xã.

- Trưởng, phó các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã.

- Trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn xã, phường, đặc khu.

- Bí thư; phó bí thư; ủy viên ban thường vụ (*hoặc chi ủy viên*) các tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy.

2.6.2. Tham gia ý kiến đối với nhân sự cấp trưởng, cấp phó các cơ quan ngành dọc đang công tác và sinh hoạt đảng trên địa bàn xã, phường, đặc khu.

2.7. Phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

2.8. Chuẩn bị nhân sự để ban chấp hành đảng bộ cấp xã xem xét, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Giới thiệu ứng cử chức danh bí thư, phó bí thư đảng ủy; chủ tịch HĐND, UBND cấp xã; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành; giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy. Riêng Công an, Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của Trung ương về tổ chức đảng trong Công an nhân dân Việt Nam, Quân đội nhân dân Việt Nam.

2.9. Chuẩn bị nhân sự báo cáo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy để Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cho ý kiến bầu bổ sung chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng ủy; phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy xã, phường, đặc khu theo quy định; báo cáo Thường trực Tỉnh ủy (*qua Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy*) xem xét chuẩn y kết quả bầu bổ sung chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng ủy; phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy xã, phường, đặc khu.

2.10. Trước khi thực hiện quy trình điều động, luân chuyển thành viên của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp xã, phải báo cáo cụ thể:

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cho ý kiến đối với chức danh ủy viên ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp xã.

- Thường trực Tỉnh ủy (*qua Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy*) cho ý kiến đối với chức danh chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp xã.

2.11. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến thực hiện các nội dung quản lý cán bộ đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đang công tác tại xã, phường, đặc khu.

2.12. Quyết định kiểm tra công tác cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trong phạm vi phụ trách.

2.13. Chuẩn y (*hoặc ủy quyền cho thường trực cấp ủy*) kết quả bầu ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các cấp ủy trực thuộc. Chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành các cấp ủy trực thuộc; cho ý kiến bầu bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ các cấp ủy trực thuộc. Khi cần thiết chỉ định bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các cấp ủy trực thuộc.

2.14. Chủ trì trao đổi ý kiến với Đảng ủy MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, cấp ủy các sở, ban, ngành tỉnh liên quan về thực hiện các nội dung quản lý cán bộ đối với các chức danh cán bộ thuộc diện quản lý theo phân cấp.

2.15. Tham gia ý kiến với Đảng ủy Quân sự tỉnh về nhân sự chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng, chính trị viên, chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự xã, phường, đặc khu; với Đảng ủy Công an tỉnh về nhân sự trưởng, phó công an xã, phường, đặc khu.

2.16. Khi thực hiện phân cấp quản lý cán bộ thuộc phạm vi quản lý, ban thường vụ các đảng ủy xã, phường, đặc khu được ủy quyền cho thường trực đảng ủy xã, phường, đặc khu giải quyết một số công việc thuộc thẩm quyền quyết định của ban thường vụ.

2.17. Quyết định thẩm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý.

2.18. Quyết định: Nâng phụ cấp thâm niên nghề (*sau khi có quyết định cho hưởng lần đầu của Ban Tổ chức Tỉnh ủy*); chuyển ngạch lương, nâng lương theo niên hạn, nâng lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung; nghỉ hưu, nghỉ thôi việc (*sau khi có thông báo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khỏi Đảng, Mặt trận Tổ quốc cấp xã (*trừ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*); cử đi đào tạo trung cấp lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, đảng viên của đảng bộ.

2.19. Định kỳ hàng quý đánh giá, nhận xét; xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ; xem xét, quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác đối với cán bộ

có vi phạm, khuyết điểm hoặc không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao đối với chức danh phó bí thư Đảng ủy và các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ đảng ủy quản lý theo quy định về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

2.20. Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về việc cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đi công tác ở nước ngoài, quan hệ, làm việc với các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài theo quy định; đồng thời, xem xét, quyết định cán bộ thuộc diện ban thường vụ đảng ủy cấp xã quản lý đi công tác ở nước ngoài, quan hệ, làm việc với các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài theo phân cấp quản lý.

2.21. Xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ, lý lịch cán bộ lãnh đạo, quản lý (*cả đương chức và nghỉ hưu*) thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã quản lý. Phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ; quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội; cơ sở dữ liệu đảng viên thuộc Đảng bộ cấp xã.

Điều 19. Phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu

1. Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu (*không bao gồm các trường hợp đã thôi giữ chức vụ hoặc được điều động, bố trí công tác khác không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*) phải được Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về những vấn đề sau:

1.1. Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp; thành viên lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; người đứng đầu hội và các tổ chức (*không bao gồm trường ban vận động thành lập hội, tổ chức*); làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài; làm chủ tịch hội đồng thành viên (*hội đồng quản trị*), giám đốc (*tổng giám đốc*) doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (*FDI*).

1.2. Khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

1.3. Đi nước ngoài; tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn nước ngoài, nhận huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài và các tổ chức quốc tế trao tặng.

2. Phân cấp quản lý

2.1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến đối các nội dung tại khoản 1.1, 1.2 Điều 19 Quy định này đối với các chức danh Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

2.2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy:

- Xem xét, cho ý kiến các nội dung quy định tại Điểm 1.3, Khoản 1, Điều 19 Quy định này đối với các chức danh nguyên là: Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

- Xem xét, cho ý kiến các nội dung quy định tại khoản 1, Điều 19 Quy định này đối với các chức danh còn lại trong danh mục cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thuộc Mục A, B Phụ lục 1 của Quy định này (*đã thôi giữ chức vụ hoặc đã nghỉ hưu*).

Ngoài ra, về phân cấp quản lý cán bộ đi nước ngoài, tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn nước ngoài, nhận huân, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài và các tổ chức quốc tế tặng phải thực hiện bảo đảm theo các quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ Điều 19, Quy định này, cụ thể hóa nội dung, phân cấp quản lý đối với cán bộ thuộc diện quản lý sau khi nghỉ hưu cho phù hợp.

Chương III

QUY HOẠCH CÁN BỘ

Điều 20. Nguyên tắc

1. Coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hòa, hợp lý, liên thông các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và bố trí, sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở tỉnh với địa phương, địa bàn và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đấu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

2. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị với quy hoạch cán bộ cấp tỉnh.

3. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 03 (ba) cán bộ, công chức, viên chức; một cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch không quá 03 (ba) chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 21. Mục đích, yêu cầu quy hoạch

1. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

3. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

4. Thực hiện phương châm quy hoạch "động" và "mở". Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

5. Việc quy hoạch đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm:

5.1. Có thể xem xét quy hoạch chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật (*do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra*).

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (*hình thức nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách*) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

- Bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã hết thời hạn kỷ luật.

5.2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (*khách quan, chủ quan*) và tính chất, mức độ, tác động ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (*nếu có*),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình quy hoạch theo quy định.

5.3. Tạm thời chưa xem xét quy hoạch đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

5.4. Không quy hoạch đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (*đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo*), khiếu nại kỷ luật, bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đang bị xem xét, xử lý kỷ luật; cán bộ đang trong thời gian thi hành kỷ luật; cán bộ bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm về: Quan điểm chính trị, nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân, quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Điều 22. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch:

Các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, bao gồm: Các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

2. Đối tượng quy hoạch:

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm 2 đối tượng, cụ thể gồm: Đối tượng 1 và đối tượng 2 của các chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh căn cứ vào Phụ lục 2A, 2B, 2C của Quy định này để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch:

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch:

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ, giai đoạn theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 23. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1.1. Xây dựng và đề xuất, báo cáo Ban Tổ chức Trung ương xem xét, thẩm định, phê duyệt quy hoạch các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

1.2. Phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Trưởng, phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Chánh, phó: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng, phó các ban của HĐND tỉnh; Trưởng, phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Báo và Phát thanh truyền hình Lâm Đồng; Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh; Người đứng đầu các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

1.3. Ủy quyền cho tập thể Thường trực Tỉnh ủy hiệp y về quy hoạch đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị:

1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

1.2. Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

1.3. Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

2.1. Tham mưu chủ trương, quy định về công tác quy hoạch cán bộ; giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

2.2. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Ban Tổ chức Trung ương xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

2.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, xem xét đối với các chức danh phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo quy định.

2.4. Tổng kết, sơ kết, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

2.5. Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (*khi cần thiết hoặc theo yêu cầu*) để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và cơ quan liên quan:

3.1. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

3.2. Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

Điều 25. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 1 đến 2 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp.

Điều 26. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện:

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định.

2. Về độ tuổi quy hoạch:

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên (05 năm).

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch:

3.1. Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

3.2. Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (*Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với trường hợp các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; ban tổ chức cấp ủy các cấp, ban xây dựng đảng xã, phường, Ban Tổ chức Đảng ủy đặc khu đối với trường hợp khác*) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 27. Hệ số, số lượng và cơ cấu

1. Về hệ số, số lượng:

1.1. Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp xã từ 0,5- 1,0 lần. Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp khác từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

1.2. Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Mỗi chức danh quy hoạch không quá ba cán bộ và một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp.

2. Về cơ cấu:

Phấn đấu cơ cấu, tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (dưới 42 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp xã) từ 15% trở lên; cán bộ nữ từ 25% trở lên; cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ khoảng 5-10%, tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực (*ở những địa phương, đơn vị có đông đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm cơ cấu cán bộ dân tộc thiểu số ít nhất 10% so với danh sách quy hoạch*); cấp xã

và tương đương trở lên phải có cán bộ nữ trong quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý.

Điều 28. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch:

1.1. Quy trình quy hoạch gồm 02 quy trình:

(1) Quy hoạch cán bộ đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ.

(2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ đối với nguồn nhân sự từ nơi khác.

1.2. Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý: Thực hiện theo Phụ lục 3 của Quy định này.

1.3. Đối với quy trình quy hoạch người quản lý doanh nghiệp tại các Công ty TNHH MTV thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Hồ sơ nhân sự: Thực hiện theo Phụ lục số 6 đính kèm.

Điều 29. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch:

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý quy hoạch:

Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

2.1. Sau 30 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*), kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch đối với chức danh ủy viên ban chấp hành đảng bộ các xã, phường, đặc khu, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy để quản lý theo quy định.

2.2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2.3. Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 30. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ đã được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch; quá tuổi bổ nhiệm; bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (*đối với cá nhân*) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc được cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm chức vụ; đã từ trần hoặc nghỉ công tác thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch (*cơ quan tham mưu tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định đưa ra khỏi quy hoạch mà không phải lấy phiếu biểu quyết*).

Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp trong quy hoạch

Đối với các địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc diện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền: (1) Số lượng quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn theo quy định, nhưng không vượt quá số lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm hợp nhất, sáp nhập; chậm nhất sau 5 năm (*tính từ thời điểm quyết định hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực*) số lượng quy hoạch sẽ thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền. (2) Các chức danh lãnh đạo, quản lý được phê duyệt quy hoạch trước khi hợp nhất, sáp nhập, nếu còn hiệu lực và thời hạn quy hoạch theo quy định thì vẫn được xem xét để bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh quy hoạch hoặc chức danh tương đương theo quy định.

Chương IV

BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ

Điều 32. Nguyên tắc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

Điều 33. Về bổ nhiệm, bố trí, sử dụng đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm

1. Có thể xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

1.1. Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật (*do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra*).

1.2. Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (*nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo*) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

1.3. Cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức: Khiển trách (*sau 24 tháng*); cảnh cáo không thuộc trường hợp bị miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ (*sau 36 tháng*); cách chức (*sau 60 tháng*), tính từ thời điểm quyết định kỷ luật của cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực; nếu nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đã hoàn thành việc kiểm điểm, khắc phục các vi phạm, khuyết điểm (*nếu có*) theo yêu cầu tại kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng; đồng thời, được các cấp ủy trực tiếp quản lý cán bộ đánh giá là có phẩm chất, năng lực và có khả năng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao thì cấp có thẩm quyền có thể xem xét, bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Không xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng được xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với trường hợp cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo nay đã hết thời hạn kỷ luật nhưng chưa đủ thời gian theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

3. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng có thể xem xét, cân nhắc kỷ lưỡng từng trường hợp để bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với: Cán bộ hiện đang trong thời gian thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách (*trừ các trường hợp vi phạm về quan điểm chính trị; vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng; chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; vi phạm quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội*).

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỷ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi

phạm, khuyết điểm (*khách quan, chủ quan*) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (*nếu có*),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử theo quy định.

4. Tạm thời chưa xem xét, bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

5. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, phong, thăng quân hàm đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (*đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo*), khiếu nại kỷ luật, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, bị xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, kiểm toán, bị điều tra.

Điều 34. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm nguyên tắc, quy định, quy trình, quy chế, quyết định về công tác cán bộ và thực hiện nghiêm quyền hạn, trách nhiệm trong công tác cán bộ.

3. Người đứng đầu, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình, cụ thể:

3.1. Người đứng đầu, tập thể đề xuất: Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về đánh giá, nhận xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập... và ý kiến đề xuất của mình.

3.2. Cơ quan thẩm định: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, thẩm tra, rà soát thông tin, tham gia ý kiến đối với nhân sự được đề xuất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

3.3. Tập thể quyết định cán bộ: Chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 35. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 01 năm (*12 tháng*); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ hoặc giữ chức vụ tương đương thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3.1. Đối với những trường hợp đã giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trước đây, nhưng do yêu cầu sáp nhập, sắp xếp tổ chức, bộ máy do tổ chức điều động, bố trí ở những vị trí không còn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì vận dụng để tính thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương để xem xét quy hoạch, bổ nhiệm.

3.2. Đối với việc bổ nhiệm sĩ quan trong lực lượng vũ trang thực hiện theo hướng dẫn của ngành dọc cấp trên.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh; được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 3 năm gần nhất.

5. Độ tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý (*cao hơn*) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn 1 nhiệm kỳ (*05 năm*). Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 36. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 5 năm (*60 tháng*) đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị và doanh nghiệp nhà nước.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 05 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ của tổ chức đó.

Điều 37. Thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

Căn cứ số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy (*sau đây gọi chung là tập thể lãnh đạo*) thực hiện các công việc sau:

1. Có văn bản trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho chủ trương về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, nguồn nhân sự, trong đó dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể.

2. Sau khi có chủ trương, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc, tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị phải hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự theo quy định. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì tập thể lãnh đạo có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*).

3. Đề xuất nhân sự cụ thể.

4. Thẩm định nhân sự:

4.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị làm tờ trình đề nghị bổ nhiệm cán bộ, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*theo phân cấp quản lý cán bộ*), đồng thời gửi tờ trình, hồ sơ nhân sự về Ban Tổ chức Tỉnh ủy (*đối với cán bộ khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội*). Đối với nhân sự thuộc khối Nhà nước, sau khi kiểm tra hồ sơ, Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh gửi văn bản, hồ sơ về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để lấy ý kiến thẩm định nhân sự của các cơ quan liên quan.

4.2. Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo quy định, Ban Tổ chức Tỉnh ủy gửi văn bản (*kèm theo bản sao hồ sơ nhân sự*) xin ý kiến thẩm định của các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định đối với nhân sự.

4.3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định nhân sự phải có văn bản trả lời Ban Tổ chức Tỉnh ủy (*trường hợp đặc biệt theo yêu cầu của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì thời gian trả lời ngắn hơn*). Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý với đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp vì lý do khách quan, cần thêm thời gian để xem xét, xác minh, thẩm tra thì phải có văn bản gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy để biết, theo dõi nhưng không quá 15 ngày làm việc.

4.4. Không quá 10 ngày làm việc, Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thẩm định hoặc xác minh, thẩm tra (*nếu có*) và ban hành tờ trình đề xuất Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định (*nói rõ ý kiến của nơi đề nghị bổ nhiệm, ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan và ý kiến của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ*).

4.5. Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định theo chương trình công tác.

4.6. Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận, Ban Tổ chức Tỉnh ủy dự thảo quyết định bổ nhiệm đề Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ký hoặc thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến các cơ quan liên quan để thực hiện việc bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử theo quy định.

Điều 38. Quy trình bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đối với nguồn nhân sự tại chỗ: Thực hiện theo Phụ lục 4 của Quy định này.

2. Quy trình điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác.

2.1. Trường hợp nhân sự do cấp có thẩm quyền dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ở nơi khác thì cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các công việc sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến (*bằng văn bản*) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nhưng địa phương, cơ quan, đơn vị (*nơi cán bộ công tác hoặc nơi tiếp nhận cán bộ*) hoặc cán bộ còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2.2. Trường hợp nhân sự do cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thì thực hiện

quy trình tương tự như quy trình điều động cán bộ nêu tại Khoản 1, Điều 47 của Quy định này.

3. Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức: Nếu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đảm nhiệm trước khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì tập thể lãnh đạo có thẩm quyền căn cứ phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ để thảo luận xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình nhân sự theo quy định; trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải thực hiện quy trình nhân sự như bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ở nơi khác theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Đối với tổ chức có đặc thù: Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, tổng thể và liên thông.

Điều 39. Bổ sung các chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền xã, phường, đặc khu và cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy

1. Khi cần bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy còn thiếu so với quy định thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định mà không phải xin chủ trương. Riêng Công an, Quân sự thực hiện theo quy định của Đảng ủy Công an Trung ương và Quân ủy Trung ương.

2. Những nhân sự đã được đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành giới thiệu vào danh sách bầu cử tham gia ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét, bổ sung vào cấp ủy, ban thường vụ cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành ít nhất 12 tháng.

3. Đối với nhân sự được đề nghị giới thiệu để bầu tham gia ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thì ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy phải gửi văn bản đề nghị về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để lấy ý kiến thẩm định của cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy trước khi giới thiệu để bầu theo quy định.

4. Đối với kiện toàn, bổ sung chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xin chủ trương (*theo phân cấp*) và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

Điều 40. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương

1. Các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc (*từ tỉnh đến địa phương*) thực hiện công tác hiệp y nhân sự với cấp ủy địa phương trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đó tại địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức không tổ chức theo ngành dọc thì không thực hiện công tác hiệp y nhân sự đối với các chức danh (*không quản lý trực tiếp*) thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy địa phương theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trừ trường hợp khác có quy định riêng của Bộ Chính trị.

Chương V

BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ

Điều 41. Nguyên tắc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Chậm nhất 90 ngày làm việc trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền phải thông báo để cán bộ chuẩn bị thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

Cán bộ sau khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vì một trong các lý do: Sức khoẻ không bảo đảm; uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước,... thì cấp có thẩm quyền quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

2. Cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật trong nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn giữ chức vụ; có thông tin về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đang, sẽ điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền thì việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử được thực hiện như sau:

2.1. Có thể xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật (*do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra*).

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (*nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách*) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

- Bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã hết thời hạn kỷ luật.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (*khách quan, chủ quan*) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (*nếu có*),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử theo quy định.

2.2. Tạm thời chưa xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Không bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (*đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo*), khiếu nại kỷ luật, bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đang bị xem xét, xử lý kỷ luật; cán bộ đang trong thời hạn thi hành kỷ luật; cán bộ bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm về: Quan điểm chính trị, nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân, quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

3. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử được tiến hành theo quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 42. Điều kiện xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cán bộ khi hết thời hạn bổ nhiệm, hết nhiệm kỳ được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ; đáp ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Địa phương, cơ quan, đơn vị có yêu cầu.

3. Đủ sức khoẻ để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

Điều 43. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì cấp đó

thực hiện việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử. Những trường hợp không đủ điều kiện bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Việc bổ nhiệm lại đối với những cán bộ tính đến tuổi nghỉ hưu không còn đủ thời gian công tác 05 năm (60 tháng) như sau:

2.1. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn đủ 02 năm (24 tháng) công tác trở lên thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

2.2. Trường hợp còn dưới 02 năm (24 tháng) công tác thì người đứng đầu và tập thể lãnh đạo thảo luận, xem xét, nếu cán bộ còn sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, biểu quyết (*bằng phiếu kín*), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

3. Cán bộ không được bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương hoặc cao hơn.

Điều 44. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cán bộ làm báo cáo tự đánh giá, nhận xét việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

2. Tập thể cán bộ chủ chốt địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm (*bằng phiếu kín*) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (*thành phần tham dự tương tự như hội nghị cán bộ chủ chốt trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*).

3. Người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ đánh giá, nhận xét và đề xuất việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

4. Tập thể lãnh đạo thảo luận, biểu quyết (*bằng phiếu kín*).

Nguyên tắc giới thiệu: Cán bộ được trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người có mặt ở hội nghị tập thể cán bộ chủ chốt và trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người được triệu tập ở hội nghị tập thể lãnh đạo thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử; trường hợp số phiếu đạt tỷ lệ 50% (*không quá bán*) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định; trường hợp dưới 50% đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu giới thiệu tại bước 4, tập thể lãnh đạo báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử theo quy định.

Chương VI

ĐIỀU ĐỘNG VÀ BIỆT PHÁI CÁN BỘ

Điều 45. Mục đích, yêu cầu điều động, biệt phái cán bộ

Việc điều động, biệt phái cán bộ phải căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 46. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định điều động, biệt phái cán bộ

1. Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

2. Phạm vi: Giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

3. Thẩm quyền: Thực hiện theo Quy định phân cấp quản lý cán bộ.

- Khi cần thiết, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định điều động, biệt phái cán bộ từ nơi khác về đảm nhận các chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý tại các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với người đứng đầu và tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị (*nơi đi và nơi đến*) và các cơ quan liên quan trong điều động, biệt phái đối với các chức danh khác theo thẩm quyền quản lý cán bộ.

Điều 47. Quy trình điều động, biệt phái cán bộ

1. Điều động cán bộ

1.1. Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định điều động cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

1.2. Quy trình điều động:

Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các bước sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ dự kiến điều động.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến (*bằng văn bản*) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động; lấy đánh giá, nhận xét của địa

phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện và đáp ứng yêu cầu điều động nhưng địa phương, cơ quan, đơn vị (*nơi cán bộ công tác hoặc nơi tiếp nhận cán bộ*) hoặc cán bộ còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ tổng hợp, báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Biệt phái cán bộ:

2.1. Căn cứ yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, các đảng ủy xã, phường, đặc khu, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch biệt phái cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Thời gian biệt phái nhiều nhất là 03 năm; khi hết thời gian biệt phái thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ.

2.3. Quy trình biệt phái:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ biệt phái.

- Bước 2: Gặp cán bộ để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.

- Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.4. Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh quy định cụ thể việc biệt phái sĩ quan trong lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ đặc thù theo quy định của pháp luật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và đúng theo quy định của ngành dọc cấp trên.

Điều 48. Chế độ, chính sách đối với cán bộ điều động, biệt phái

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ được điều động, biệt phái sớm ổn định công tác và sinh hoạt.

2. Cán bộ được điều động, biệt phái đến những vùng khó khăn như miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, đặc khu được ưu tiên giải quyết trước thời hạn một số chế độ, chính sách.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan chức năng liên quan quy định chế độ, chính sách cụ thể.

Chương VII

CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM ĐỐI VỚI CÁN BỘ

Điều 49. Nguyên tắc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Kịp thời xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm (*trừ trường hợp quy định tại Điểm 3, Điều 53*).

2. Khuyến khích cán bộ tự nguyện thôi giữ chức vụ, từ chức khi không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không còn đủ uy tín hoặc vi phạm chưa đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 50. Căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với việc cho thôi giữ chức vụ:

1.1. Chịu trách nhiệm người đứng đầu (*trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc người đứng đầu có thời gian giữ chức vụ chưa đủ 1 năm*) khi địa phương, cơ quan, đơn vị chỉ hoàn thành dưới 70% số chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch trong năm hoặc không hoàn thành 05 chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt: (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế. (2) Thu ngân sách nhà nước. (3) Giải ngân vốn đầu tư công. (4) Thu nhập bình quân đầu người. (5) Giảm tỷ lệ hộ nghèo.

1.2. Chịu trách nhiệm (*trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng*) nếu kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về xây dựng Đảng, xây dựng thể chế, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh,... theo đánh giá của cấp có thẩm quyền trong năm hoặc định kỳ của cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị, địa phương mà mình là người đứng đầu (*hoặc cấp phó của người đứng đầu được phân công chỉ đạo trực tiếp*) không đạt chỉ tiêu, kế hoạch theo quy định hoặc các quyết định, quy chế, quy định, đề án, chương trình, dự án quan trọng do cơ quan, đơn vị mình phụ trách chủ trì tham mưu, đề xuất ban hành mà cơ quan chức năng kết luận không hiệu quả hoặc có nguy cơ gây hậu quả xấu,...

1.3. Quan liêu, xa dân, không giải quyết kịp thời ý kiến, nguyện vọng, lợi ích, khiếu nại, tố cáo chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín cơ quan, đơn vị.

1.4. Chịu trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra điểm nóng phức tạp kéo dài liên quan đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng.

1.5. Là người đứng đầu thiếu trách nhiệm, không kịp thời xử lý khi phát hiện cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý trực tiếp vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với việc từ chức:

2.1. Cán bộ tự nguyện xin từ chức và được xem xét cho từ chức khi có một trong các căn cứ sau:

(1) Do bản thân nhận thấy hạn chế về năng lực lãnh đạo, quản lý hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

(2) Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

(3) Vì lý do khác của cá nhân.

(4) Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

(5) Trong nhiệm kỳ giữ chức vụ có 2 năm không liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

(6) Có hành vi vi phạm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

(7) Để vợ, chồng, con vi phạm pháp luật của Nhà nước; sa vào tệ nạn xã hội và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị.

(8) Để người khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn của bản thân để trục lợi và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng, bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín cá nhân và tổ chức (*trừ trường hợp bản thân không biết*).

(9) Không dám làm, không dám chịu trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả rất nghiêm trọng, dư luận xấu, bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đối với trường hợp nêu tại Điểm (2) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét cho thôi giữ chức vụ; đối với các trường hợp nêu tại Điểm (4), (5), (6), (7), (8), (9) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm.

2.2. Những trường hợp không được từ chức:

- Đang đảm nhận nhiệm vụ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật, chưa hoàn thành nhiệm vụ mà cần tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ do bản thân cán bộ đã thực hiện, nếu cán bộ từ chức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiệm vụ mà đơn vị được giao.

- Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Những trường hợp có đủ căn cứ miễn nhiệm nêu tại Khoản 3.5, 3.6, 3.7, 3.8, 3.9, Điểm 3 Điều này.

3. Đối với việc miễn nhiệm:

3.1. Bị kỷ luật cảnh cáo và bị cấp có thẩm quyền đánh giá năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ được giao.

3.2. Bị kỷ luật khiển trách liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao 2 lần trở lên trong một nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm.

3.3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

3.4. Có 2 năm liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ (*liên quan đến thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao*).

3.5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

3.6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

3.7. Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gây hậu quả rất nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

3.8. Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp xảy ra mâu thuẫn, mất đoàn kết nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải miễn nhiệm theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với các trường hợp nêu tại Khoản 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 51. Thẩm quyền, trách nhiệm cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét, quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

2. Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

3. Cấp ủy, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

Điều 52. Quy trình xem xét và hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm:

1.1. Khi có đủ căn cứ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc thì cấp ủy, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ hoặc cơ quan tham mưu về công tác cán bộ có trách nhiệm trao đổi với cán bộ và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.2. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

1.3. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

2. Hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm:

2.1. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ; đơn xin từ chức của cán bộ đối với trường hợp từ chức.

2.2. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hội nghị, đơn của cán bộ xin từ chức, báo cáo đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ và các tài liệu có liên quan.

Điều 53. Bố trí công tác đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ:

Cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ thì cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước

đó hoặc chức vụ phù hợp (*trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định*) và không quan trọng hơn; sau ít nhất từ 12 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu cán bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét việc quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi cho thôi giữ chức vụ theo quy định.

2. Đối với cán bộ sau khi từ chức:

2.1. Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác dưới 5 năm thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (*không làm công tác lãnh đạo, quản lý*).

2.2. Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác từ 5 năm trở lên thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (*trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định*); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu khắc phục tốt các vi phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém (*nếu có*), được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi từ chức theo quy định.

3. Đối với cán bộ sau khi miễn nhiệm:

3.1. Cán bộ sau khi miễn nhiệm thì cấp có thẩm quyền xem xét bố trí làm công tác chuyên môn (*không làm công tác lãnh đạo, quản lý*); sau ít nhất từ 36 tháng công tác ở vị trí mới, nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

3.2. Đối với các trường hợp nêu tại Khoản 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, Điểm 3, Điều 50, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (*trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định*); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi miễn nhiệm theo quy định.

4. Nếu cán bộ sau khi thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm mà có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu thì được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Chương VIII

THẨM QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG VIỆC TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP DƯỚI

Điều 54. Phạm vi, đối tượng trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Áp dụng đối với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị (*sau đây gọi tắt là người đứng đầu*) tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Việc tạm đình chỉ đối với các chức danh cấp ủy viên; đại biểu hội đồng nhân dân; Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã; ủy viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của tổ chức.

3. Việc tạm đình chỉ công tác nhằm ngăn chặn kịp thời tác động tiêu cực, cản trở việc xem xét, xử lý vi phạm đối với cán bộ. Nghiêm cấm lợi dụng việc tạm đình chỉ công tác vì mục đích cá nhân.

4. Người đứng đầu khi đã có thông báo nghỉ hưu, nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc đang bị xem xét kỷ luật, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo phải báo cáo và được sự đồng ý của thường trực cấp ủy cấp trên trực tiếp trước khi thực hiện thẩm quyền tạm đình chỉ công tác.

5. Người đứng đầu xem xét kịp thời ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo quy định mà không cần phải tiến hành thảo luận và biểu quyết trong tập thể lãnh đạo.

Điều 55. Căn cứ xem xét tạm đình chỉ công tác

1. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết:

1.1. Cán bộ có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

1.2. Cán bộ cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ.

1.4. Cán bộ đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý trì hoãn, trốn tránh không

thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

1.5. Cán bộ bị kỷ luật đảng bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng:

2.1. Cán bộ bị khởi tố bị can để phục vụ công tác điều tra.

2.2. Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của cán bộ, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Điều 56. Thẩm quyền, trách nhiệm trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Thẩm quyền của người đứng đầu và quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác:

1.1. Thẩm quyền của người đứng đầu:

- Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới theo danh mục (nêu tại Phụ lục 5 của Quy định này) khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 55. Trường hợp chưa có trong danh mục thì do người đứng đầu cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và quản lý xem xét, quyết định tạm đình chỉ công tác.

- Đề nghị cơ quan chức năng cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác hoặc yêu cầu cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh làm rõ, xử lý vi phạm theo quy định.

- Yêu cầu cán bộ bị tạm đình chỉ công tác chấp hành các yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc người có thẩm quyền để phục vụ công tác xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

1.2. Quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác:

- Có quyền đề nghị người đứng đầu xem xét lại quyết định tạm đình chỉ công tác nếu có căn cứ xác định việc tạm đình chỉ công tác không đúng quy định.

- Được khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi được cơ quan chức năng kết luận không vi phạm, không bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự.

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ bị tạm đình chỉ công tác được thực hiện

như thời điểm chưa bị tạm đình chỉ công tác.

2. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tạm đình chỉ công tác:

2.1. Trách nhiệm của người đứng đầu:

- Kịp thời ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 55; hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác trong trường hợp không đúng quy định hoặc khi có kết luận không vi phạm, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ.

- Chịu trách nhiệm về việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác, hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác. Công bố quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác trong cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác và gửi quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, nếu có nhiều tình tiết phức tạp cần có thời gian tiếp tục xác minh, làm rõ vi phạm của cán bộ thì báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ trước khi gia hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Trách nhiệm của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác:

- Chấp hành nghiêm quyết định tạm đình chỉ công tác.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan và chấp hành yêu cầu của người đứng đầu, cấp có thẩm quyền trong quá trình xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

2.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan:

Tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về công tác tham mưu, đề xuất, đề nghị và ra quyết định tạm đình chỉ công tác và thực hiện việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 57. Thời hạn, thủ tục, hồ sơ tạm đình chỉ công tác

1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác:

1.1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết không quá 30 ngày làm việc, trường hợp phải gia hạn thì thời gian gia hạn tạm đình chỉ công tác tối đa không quá 30 ngày làm việc.

1.2. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực hiện theo văn bản đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thi hành án.

1.3. Quyết định tạm đình chỉ công tác đương nhiên hết hiệu lực thi hành khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác.

2. Thủ tục tạm đình chỉ công tác:

2.1. Khi xác định có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 55 thì chậm nhất sau 02 ngày làm việc, cơ quan tổ chức cán bộ có trách nhiệm tham mưu người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Chậm nhất sau 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan tổ chức cán bộ, người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.3. Trong 3 ngày làm việc, kể từ ngày có đủ cơ sở để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác thì người đứng đầu ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.4. Quyết định tạm đình chỉ công tác và quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác được gửi đến cán bộ bị tạm đình chỉ công tác, công bố trong cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ và gửi đến cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Quản lý hồ sơ

Quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác và tài liệu liên quan phải lưu vào hồ sơ cán bộ, được quản lý, sử dụng theo quy định.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này để quy định cụ thể việc phân cấp, thẩm quyền, trách nhiệm, nội dung quản lý cán bộ; quy trình, thủ tục quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ trong diện được phân cấp quản lý (*cả đương chức và nghỉ hưu*) và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới.

2. Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh quy định cụ thể việc phân cấp, thẩm quyền, trách nhiệm, nội dung quản lý cán bộ; quy trình, thủ tục quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ trong diện được phân cấp quản lý (*cả đương chức và nghỉ hưu*) cho phù hợp với tình hình, đặc điểm tổ chức, yêu cầu lãnh đạo, chỉ huy của lực lượng vũ trang.

3. Đảng ủy HĐND, Đảng ủy UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật có liên quan theo thẩm quyền để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với Quy định này.

4. Đối với việc giới thiệu nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

5. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

Điều 59. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các quy định, văn bản, hướng dẫn về phân cấp quản lý cán bộ; quy hoạch; bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm và tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ của 03 tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Đắk Nông (trước sắp xếp, sáp nhập) không còn hiệu lực thi hành. *mm*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tổ chức Trung ương,
- UBKT Trung ương,
- Vụ địa phương III, BTCTW,
- Vụ địa phương VII, UBKTTW,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Trường Chính trị tỉnh, Báo và PTTH Lâm Đồng,
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy các xã, phường, đặc khu,
- Đảng ủy HĐND, VKSND, TAND, MTTQVN tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Y Thanh Hà Niê Kdăm